

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 17 - 02 - 2022

V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Ông Phạm Quốc H.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-DS ngày 10/11/2021 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-DS ngày 05/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 19/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: 266 - 268, N, phường V, quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn B . Chức vụ: Phó Phòng giao dịch P - Chi nhánh A (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2021) (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: số 620, ấp B, xã T, huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc T , sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P , thị trấn P, huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 01/7/2021, ngày 17/02/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng T (do ông Nguyễn Văn B , đại diện) trình bày:

- Ngày 27/8/2018 bà Nguyễn Thị Ngọc T có đến Ngân hàng T - Chi nhánh A - Phòng giao dịch P ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1823900574 để vay số tiền 20.000.000 đồng. Mục đích vay: tiêu dùng. Thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất vay 24%/năm. Hình thức trả nợ: vốn, lãi trả hàng tháng. Kỳ hạn trả nợ 01 tháng/lần. Số kỳ trả nợ 24 kỳ. Kỳ hạn trả nợ đầu tiên vào ngày 05/10/2018, số tiền phải trả mỗi kỳ là 833.000 đồng, số tiền trả kỳ cuối là 841.000 đồng. Khi vay, bà T không thể chấp tài sản cho Ngân hàng.

Sau khi vay, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã trả cho Ngân hàng được số tiền vốn, lãi là 11.902.302 đồng, (trong đó vốn: 8.497.000 đồng, lãi 3.405.302 đồng) thì ngưng cho đến nay.

- Ngày 18/04/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc T có đến Ngân hàng T - Chi nhánh A - Phòng Giao dịch P ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01160-00338 để vay số tiền 10.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn trả nợ 183 kỳ. Lãi suất vay 24%/năm. Hình thức trả nợ: vốn gốc và lãi chia thành 183 kỳ. Kỳ hạn trả nợ 01 ngày/kỳ kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ hạn trả nợ đầu tiên vào ngày 19/4/2019, số tiền phải trả mỗi kỳ là 61.300 đồng. Số tiền trả kỳ cuối 46.688 đồng. Sau khi vay bà T đã trả được số tiền vốn, lãi là 6.865.600 đồng, (trong đó vốn: 6.812.800 đồng, lãi 52.800 đồng) thì ngưng cho đến nay. Khi vay, bà T không thể chấp tài sản.

Như vậy, tổng số tiền của 02 Hợp đồng mà bà Nguyễn Thị Ngọc T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 17/02/2022 là 27.520.264 đồng (trong đó vốn 14.690.200 đồng, lãi là 12.830.064 đồng). Mặc dù Ngân hàng nhiều lần cử nhân viên đến gặp bà T để thu hồi vốn, lãi nhưng bà T vẫn không thực hiện.

Nay Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/02/2022 là 27.520.264 đồng (trong đó vốn 14.690.200 đồng, lãi là 12.830.064 đồng) và lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: tranh chấp giữa Ngân hàng T với bà Nguyễn Thị Ngọc T là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có địa chỉ tại ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bà T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà T đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung: Ngân hàng T khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc T để yêu cầu trả số tiền vốn và lãi tính đến 17/02/2022 là 27.520.264 đồng (trong đó vốn 14.690.200 đồng, lãi là 12.830.064 đồng) và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, ngày 27/8/2018 bà Nguyễn Thị Ngọc T có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1823900574 để vay số tiền 20.000.000 đồng và ngày 18/04/2019 tiếp tục ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01160-00338 để vay số tiền 10.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất vay 24%/năm. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ theo đúng phân kỳ cho Ngân hàng mà chỉ trả tổng số tiền vốn, lãi của 02 hợp đồng là 18.767.902 đồng (trong đó vốn là 15.309.800 đồng, lãi là 3.458.102 đồng).

[6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Ngọc T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu các khoản nợ. Mặc dù bà T trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ trên.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng được ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Do bà Nguyễn Thị Ngọc T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền vốn và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền vốn và lãi tính đến 17/02/2022 là 27.520.264 đồng (trong đó vốn 14.690.200 đồng, lãi là 12.830.064 đồng).

[7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc T bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 119, 398, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh A , đại diện nhận) tổng số tiền vốn và lãi tính đến 17/02/2022 là 27.520.264 đồng (hai mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi nghìn, hai trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó vốn 14.690.200 đồng, lãi là 12.830.064 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 1.376.013 đồng (một triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm mười ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 618.443 đồng (sáu trăm mười tám nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008679, ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (do Ngân hàng T - Chi nhánh A , đại diện nhận).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H